

Đơn đặt hàng / Purchase Order

Được phê duyệt bởi: Hoàng Xuân Toàn



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Thông tin xuất hóa đơn (Billing Information)</b><br>CHI NHÁNH THÁI NGUYÊN - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG<br>MẠI TỔNG HỢP WINCOMMERCE<br>TTTT Vincom Thái Nguyên, Đường Lương Ngọc Quyến, Phường Phan<br>Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên Việt Nam<br>MST: 0104918404-059<br><b>Địa chỉ giao hàng (Delivery Address)</b><br>6248-WM+ TNN 382 Lương Ngọc Quyến<br>6248 - WM+ TNN 382 Lương Ngọc Quyến<br>Số 382 Lương Ngọc Quyến, Phường Đồng Quang, Thành phố Thái<br>Nguyên Tỉnh Thái Nguyên Việt Nam<br>2471066866-62481 | <b>Thông tin đơn hàng (Information)</b><br>Số đơn hàng (PO No.) 4178810958<br>Ngày đặt hàng (PO date) 22.10.2025<br>Nhóm đặt hàng (Purchaser) 101 - T.P tươi sống CB<br>Người đặt hàng (Purchaser) Hoàng Xuân Toàn<br>Số điện thoại<br>Email toanhx@winmart.masangroup.com<br>Ngày giao (Delivery Date) 31.10.2025<br>Ghi chú |
| <b>Nhà cung cấp (Supplier): 0002010660</b><br>CTY CP ĐẠI THUẬN PHÂN PHỐI<br>59-61 Nguyễn Trường Tộ, Phường Xóm Chiếu,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| Stt<br>(No.) | Tên hàng<br>(Item Description)                       | Mã vạch<br>(Barcode) | Số lượng<br>(Quantity) | ĐVT<br>(Unit) | Đơn giá<br>(Unit Price) | Thành tiền (VND)<br>(Amount) |
|--------------|------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|---------------|-------------------------|------------------------------|
| 10           | 10334842<br>BINGGRAE Kem bánh cá su kem 150ml        | 8801104942485        | 24                     | CAI           | 24,500                  | 588,000                      |
| 11           | 10334842<br>BINGGRAE Kem bánh cá su kem 150ml        | 8801104942485        | 12                     | CAI           | 0                       | 0                            |
| 20           | 10006158<br>BINGGRAE Kem bánh cá đậu đỏ gói 150ml    | 8801104190718        | 24                     | CAI           | 23,000                  | 552,000                      |
| 21           | 10006158<br>BINGGRAE Kem bánh cá đậu đỏ gói 150ml    | 8801104190718        | 12                     | CAI           | 0                       | 0                            |
| 30           | 10006171<br>BINGGRAE Kem Pongta Water Melon cây130ml | 8801104900010        | 27                     | CAI           | 19,300                  | 521,100                      |
| 31           | 10006171<br>BINGGRAE Kem Pongta Water Melon cây130ml | 8801104900010        | 13                     | CAI           | 0                       | 0                            |
| 40           | 10006228<br>BINGGRAE Kem bánh cá Melona vị dâu 150ml | 8801104180115        | 24                     | CAI           | 23,000                  | 552,000                      |
| 41           | 10006228<br>BINGGRAE Kem bánh cá Melona vị dâu 150ml | 8801104180115        | 12                     | CAI           | 0                       | 0                            |
| 50           | 10321388<br>BINGGRAE Kem bánh cá trà xanh 150ml      | 8801104305136        | 24                     | CAI           | 23,000                  | 552,000                      |
| 51           | 10321388<br>BINGGRAE Kem bánh cá trà xanh 150ml      | 8801104305136        | 12                     | CAI           | 0                       | 0                            |

| Sst<br>(No.)                                    | Tên hàng<br>(Item Description) | Mã vạch<br>(Barcode) | Số lượng<br>(Quantity) | ĐVT<br>(Unit) | Đơn giá<br>(Unit Price) | Thành tiền (VND)<br>(Amount) |
|-------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------|------------------------|---------------|-------------------------|------------------------------|
| Tổng giá trị trước thuế (Total excl VAT amount) |                                |                      |                        |               |                         | 2,765,100                    |
| - 5% (VAT)                                      |                                |                      |                        |               |                         | 0                            |
| - 8% (VAT)                                      |                                |                      |                        |               |                         | 221,208                      |
| - 10% (VAT)                                     |                                |                      |                        |               |                         | 0                            |
| - 15% (VAT)                                     |                                |                      |                        |               |                         | 0                            |
| Thuế GTGT (VAT Amount)                          |                                |                      |                        |               |                         | 221,208                      |
| Tổng giá trị đơn hàng (Total amount)            |                                |                      |                        |               |                         | 2,986,308                    |

Người lập đơn hàng  
(Created By)

Quản lý ngành hàng  
(Department Manager)

Quản lý siêu thị  
(Store Manager)

Giám đốc cấp 2  
(Regional Director)

Nhà cung cấp lưu ý:

- Giá mua trên đơn đặt hàng là giá mua chính thức, nếu có chênh lệch so với báo giá thì báo lại nhân viên đặt hàng để điều chỉnh giá trước khi giao hàng.
- Vui lòng điền số đơn đặt hàng và mã nhà cung cấp vào hóa đơn và phiếu giao hàng.